

**Biểu 01-MN-ĐN**

Ban hành theo Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT  
 ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT  
 Ngày nhận báo cáo:  
 Ngày 30 tháng 10 năm báo cáo

**BÁO CÁO THỐNG KÊ GIÁO DỤC MẦM NON**

Kỳ đầu năm học: 2025-2026  
 (Có đến 30 tháng 9 năm báo cáo)

Đơn vị báo cáo:

Trường MN Hòa Bình - Trấn Biên

Đơn vị nhận báo cáo:

Phường Trấn Biên

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mã số	Tổng số	Công lập	Tư thực	Dân lập
	A	B	C	1	2	3	4
<b>I</b>	<b>Trường</b>						
<b>1.</b>	<b>Tổng số trường</b>	trường	01	1	1		
<b>1.1.</b>	<b>Nhà trẻ</b>	trường	02				
	Chia ra theo vùng:						
	- Trung du, đồng bằng, thành phố	trường	03				
	+ Trường có dưới 9 nhóm trẻ	trường	04				
	+ Trường có 9 nhóm trẻ trở lên	trường	05				
	- Miền núi vùng sâu, hải đảo	trường	06				
	+ Trường có dưới 6 nhóm trẻ	trường	07				
	+ Trường có 6 nhóm trẻ trở lên	trường	08				
	Trong đó:						
	- Trường có từ 5 điểm trường trở lên	trường	09				
	- Trường có sử dụng máy vi tính phục vụ quản lý và giáo dục trẻ	trường	10				
	- Trường được kết nối internet	trường	11				
	- Trường có điện (lưới)	trường	12				
	- Trường có nguồn nước sạch	trường	13				
	- Trường có công trình vệ sinh	trường	14				
<b>1.2.</b>	<b>Trường mẫu giáo</b>	trường	15				
	Chia ra theo vùng:						
	- Trung du, đồng bằng, thành phố	trường	16				
	+ Trường có dưới 9 nhóm trẻ	trường	17				
	+ Trường có 9 nhóm trẻ trở lên	trường	18				
	- Miền núi vùng sâu, hải đảo	trường	19				
	+ Trường có dưới 6 nhóm trẻ	trường	20				
	+ Trường có 6 nhóm trẻ trở lên	trường	21				
	Trong đó:						
	- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	trường	22				
	- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	trường	23				
	- Trường có từ 5 điểm trường trở lên	trường	24				
	- Trường có sử dụng máy vi tính phục vụ quản lý và giáo dục trẻ	trường	25				
	- Trường được kết nối internet	trường	26				
	- Trường có điện (lưới)	trường	27				
	- Trường có nguồn nước sạch	trường	28				
	- Trường có nước uống	trường	29				
	- Trường có công trình vệ sinh	trường	30				
	- Trường có chương trình giáo dục vệ sinh đôi tay	trường	31				
	- Trường có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại	trường	32				
	- Trường có kế hoạch giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	trường	33				
<b>1.3</b>	<b>Trường mầm non</b>	trường	34	1	1		
	Chia ra theo vùng:						
	- Trung du, đồng bằng, thành phố	trường	35	1	1		
	+ Trường có dưới 9 nhóm trẻ	trường	36				
	+ Trường có 9 nhóm trẻ trở lên	trường	37	1	1		
	- Miền núi vùng sâu, hải đảo	trường	38				
	+ Trường có dưới 6 nhóm trẻ	trường	39				

	+ Trường có 6 nhóm trẻ trở lên	trường	40			
	Trong đó:					
	- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1	trường	41	1	1	
	- Trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	trường	42			
	- Trường có từ 5 điểm trường trở lên	trường	43			
	- Trường có sử dụng máy vi tính phục vụ quản lý và giáo dục trẻ	trường	44	1	1	
	- Trường được kết nối internet	trường	45	1	1	
	- Trường có điện (lưới)	trường	46	1	1	
	- Trường có nguồn nước sạch	trường	47	1	1	
	- Trường có nước uống	trường	48	1	1	
	- Trường có công trình vệ sinh	trường	49	1	1	
	- Trường có chương trình giáo dục vệ sinh đôi tay	trường	50	1	1	
	- Trường có chương trình giáo dục cơ bản về giới tính, phòng chống bạo lực, xâm hại	trường	51	1	1	
	- Trường có kế hoạch giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu	trường	52			
<b>1.4</b>	Nhóm trẻ độc lập	cơ sở	53			
<b>1.5</b>	Lớp mẫu giáo độc lập	cơ sở	54			
<b>1.6</b>	Nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập	cơ sở	55			
<b>1.7</b>	Số điểm trường	điểm	56			
<b>II</b>	<b>Nhóm, lớp</b>			9	9	
<b>2.</b>	<b>Tổng số Nhóm/lớp</b>	nhóm/lớp	57	9	9	
<b>2.1</b>	<b>Nhóm trẻ</b>	nhóm	58	2	2	
	Trong đó:					
	Nhóm trẻ học 2 buổi/ngày	nhóm	59	2	2	
	Nhóm bán trú (được tổ chức ăn trưa)	nhóm	60	2	2	
	Nhóm trẻ có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập	nhóm	61			
	Nhóm trẻ có 02 trẻ khuyết tật học hòa nhập	nhóm	62			
	Nhóm trẻ từ 3 tháng đến 12 tháng tuổi có dưới 15 trẻ	nhóm	63			
	Nhóm trẻ từ 3 tháng đến 12 tháng tuổi có từ 15 trẻ trở lên	nhóm	64			
	Nhóm trẻ từ 13 tháng đến 24 tháng tuổi có dưới 20 trẻ	nhóm	65			
	Nhóm trẻ từ 13 tháng đến 24 tháng tuổi có từ 20 trẻ trở lên	nhóm	66			
	Nhóm trẻ từ 25 tháng đến 36 tháng tuổi có dưới 25 trẻ	nhóm	67	2	2	
	Nhóm trẻ từ 25 tháng đến 36 tháng tuổi có từ 25 trẻ trở lên	nhóm	68			
	Nhóm trẻ ghép 2 độ tuổi	nhóm	69			
	Nhóm trẻ ghép 3 độ tuổi	nhóm	70			
	Nhóm trẻ trong các cơ sở độc lập	nhóm	71			
<b>2.2.</b>	<b>Lớp mẫu giáo</b>	lớp	72	7	7	
	Trong đó:					
	Lớp mẫu giáo 5 tuổi	lớp	73	2	2	
	Lớp mẫu giáo học 2 buổi/ngày	lớp	74	7	7	
	Lớp bán trú (được tổ chức ăn trưa)	lớp	75	7	7	
	Lớp mẫu giáo có 01 trẻ khuyết tật học hòa nhập	lớp	76			
	Lớp mẫu giáo có 02 trẻ khuyết tật học hòa nhập	lớp	77			
	Lớp mẫu giáo 3 tuổi đến 4 tuổi có dưới 25 trẻ	lớp	78	2	2	
	Lớp mẫu giáo 3 tuổi đến 4 tuổi có từ 25 trẻ trở lên	lớp	79			
	Lớp mẫu giáo 4 tuổi đến 5 tuổi có dưới 30 trẻ	lớp	80	3	3	
	Lớp mẫu giáo 4 tuổi đến 5 tuổi có từ 30 trẻ trở lên	lớp	81			
	Lớp mẫu giáo 5 tuổi đến 6 tuổi có dưới 35 trẻ	lớp	82	2	2	
	Lớp mẫu giáo 5 tuổi đến 6 tuổi có từ 35 trẻ trở lên	lớp	83			
	Lớp mẫu giáo ghép 2 độ tuổi	lớp	84			
	Lớp mẫu giáo ghép 3 độ tuổi	lớp	85			
	Lớp mẫu giáo trong các cơ sở độc lập	lớp	86			